

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2016/NQ-HĐND

Phù Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
huyện Phù Ninh khóa XXII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số:15/TTr - HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Phù Ninh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Phù Ninh khóa XXII, nhiệm kỳ 2016 – 2021; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Phù Ninh khóa XXII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phù Ninh khoá XXII, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Đào Văn Phùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Phù Ninh
khoá XXII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12 /2016/NQ-HĐND

Ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XXII)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện (sau đây gọi là đại biểu Hội đồng nhân dân), Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện (sau đây gọi là Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân), Thường trực Hội đồng nhân dân huyện (sau đây gọi là Thường trực Hội đồng nhân dân), các Ban của Hội đồng nhân dân huyện (sau đây gọi là các Ban của Hội đồng nhân dân) khoá XXII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

Hội đồng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; phát huy, nêu cao tinh thần trách nhiệm của các đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân.

CHƯƠNG II ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 3. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân; tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, tiếp nhận và xem xét, xử lý kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân được quy định tại Điều 93, 94, 95, Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Khi nhận được thông báo về thời gian, dự kiến nội dung, chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu phải nghiên cứu tài liệu; bố trí thời gian để dự đầy đủ các cuộc tiếp xúc cử tri theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân và sự phân công của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; phản ánh đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Tham gia hoạt động giám sát của Tổ đại biểu theo yêu cầu của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Tiếp công dân theo hướng dẫn của Thường trực Hội đồng nhân dân. Khi nhận được kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời phản ánh với cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

thông báo cho công dân có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị biết và có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết.

5. Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

6. Xây dựng và thực hiện chương trình hành động toàn khóa và hàng năm; Đại biểu hoạt động không chuyên trách, dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 4. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn, quyền kiến nghị, quyền khi phát hiện hành vi, vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân; quyền yêu cầu cung cấp thông tin; quyền miễn trừ được quy định tại Điều 96,97,98,99,100, Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Được đề nghị chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận, phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân. Khi làm nhiệm vụ, đại biểu phải đeo phù hiệu và xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có yêu cầu).

Điều 5. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 112 Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Hợp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân họp phân công đại biểu tiếp xúc cử tri tại đơn vị bầu cử; bàn kế hoạch công tác; thảo luận các báo cáo, nghị quyết và các văn bản liên quan theo hướng dẫn của Thường trực Hội đồng nhân dân; phân công đại biểu nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến tham gia vào các nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, khi họp Tổ được mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, các xã, thị trấn dự họp, đề tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan.

b, Hàng năm, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân họp Tổ để kiểm điểm, xếp loại đại biểu và được mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện dự để theo dõi chung.

c, Các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phải ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, chậm nhất là 03 ngày (làm việc) kể từ ngày họp.

Điều 6. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm điều hành công việc của Tổ đại biểu; giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc huyện và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nơi đại biểu Hội đồng nhân dân ứng cử.

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giúp việc cho Tổ trưởng, thực hiện những việc được Tổ trưởng phân công hoặc uỷ quyền, điều hành công việc Tổ đại biểu khi Tổ trưởng vắng mặt.

Điều 7. Xếp loại đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

Hàng năm, căn cứ tiêu chuẩn và đề nghị của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện xếp loại hoạt động của đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

CHƯƠNG III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 104, Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 105, Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

3. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 1 và 2 của điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

a, Chỉ đạo và hướng dẫn các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp, xếp loại đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

b, Chỉ đạo các Ban của Hội đồng nhân dân trong hoạt động thẩm tra các tờ trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và các hoạt động khác của các Ban Hội đồng nhân dân.

Điều hòa, phối hợp các Ban của Hội đồng nhân dân trong hoạt động giám sát, khảo sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban khi cần thiết.

c, Xây dựng quy định về tiếp xúc cử tri đối với đại biểu Hội đồng nhân dân và đảm bảo việc thực hiện; Phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tổ chức cho đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân.

d, Tổ chức giám sát hoặc phân công các Ban của Hội đồng nhân dân giám sát Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan chuyên môn trong việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

e, Xây dựng Quy chế phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện trong việc tiếp công dân, xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương. Tổ chức hội nghị để xem xét, định hướng giải quyết những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài khi thấy cần thiết.

g, Xây dựng kế hoạch, phân công các thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân định kỳ tại trụ sở tiếp công dân của huyện; tiếp nhận, nghiên cứu, phân loại đơn, thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân đảm bảo chính xác; chuyên và đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo luật định.

h, Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức khảo sát, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân; đôn đốc các cơ quan giải quyết các kiến nghị sau khảo sát, giám sát; Thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn.

Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân kết quả thực hiện của các cơ quan về việc thực hiện những kiến nghị sau giám sát để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

i, Tổ chức Đoàn giám sát theo chương trình giám sát đã được Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc khi thấy cần thiết.

Việc khảo sát, giám sát của Đoàn giám sát phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

k, Chỉ đạo, tổ chức việc giám sát tại các kỳ họp thông qua xem xét các báo cáo, đề án, tờ trình và hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các cơ quan.

Kiểm tra, đôn đốc hoặc tổ chức giám sát các cơ quan liên quan trả lời các ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân được nêu tại kỳ họp trước nhưng chưa được giải trình hoặc chưa thực hiện như đã hứa trước Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Chủ tọa kỳ họp và thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các phòng, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc huyện và công dân.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

3. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về những việc được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Chủ tọa kỳ họp có nhiệm vụ, quyền hạn:

a, Điều hành các kỳ họp theo nội dung, chương trình đã được Hội đồng nhân dân thông qua.

b, Gọi ý các vấn đề cần tập trung thảo luận ở Tổ đại biểu, thảo luận ở hội trường; Điều hành chất vấn và trả lời chất vấn; lấy biểu quyết về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và thông qua nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

c, Chỉ đạo việc tổng hợp các ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, ý kiến của cử tri và chuyển đến các cơ quan có liên quan giải trình làm rõ.

d, Chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết để ban hành và đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi kỳ họp.

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Thường trực Hội đồng nhân dân họp mỗi tháng một lần, họp đột xuất khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ trì phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được Chủ tịch Hội đồng nhân dân ủy quyền chủ trì phiên họp.

Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do không thể tham gia thì phải báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng nhân dân đồng ý.

Thường trực Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị dự án, đề án, báo cáo và giải trình tại phiên họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

CHƯƠNG IV CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 11. Các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân thành lập hai Ban: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội

Số lượng thành viên của mỗi Ban là 05 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và 03 ủy viên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ phối hợp công tác của các Ban được quy định tại Điều 109, 110, Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015

Điều 12. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham gia vào các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; Chỉ đạo, điều hành công việc chung của Ban, ký các văn bản do Ban ban hành; Chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc, chủ trì cuộc họp của Ban.

b) Giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban khác của Hội đồng nhân dân; các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện và các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn.

c) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban theo chương trình đã được Hội đồng nhân dân thông qua và theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân. Trình các báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả hoạt động của Ban tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân.

d) Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân phê chuẩn và cho thôi làm nhiệm vụ Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân.

2. Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban, điều hành các hoạt động của Ban khi Trưởng ban vắng mặt; ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi được Trưởng ban phân công hoặc ủy quyền.

3. Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban, thực hiện các nhiệm vụ được phân công, nếu vì lý do không tham gia được phải báo cáo và phải được Trưởng ban đồng ý. Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm phải dành thời gian thỏa đáng cho hoạt động của Ban.

Điều 13. Chế độ làm việc

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình công tác hàng tháng, quý, sáu tháng và hàng năm của mình.

Các Ban của Hội đồng nhân dân họp mỗi quý ít nhất một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác và bàn công tác tháng, quý tiếp theo.

Định kỳ sáu tháng, một năm, báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xây dựng các quy định hoạt động của Ban phù hợp với quy định pháp luật và của Quy chế này.

CHƯƠNG V MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 14. Mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Đoàn đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

1. Đối với cấp Tỉnh, Trung ương

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện tạo điều kiện cho các cơ quan và đại biểu của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân tỉnh khi về làm việc tại huyện, tại đơn vị bầu cử; Có trách nhiệm chấp hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, UBTV Quốc hội và của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với cấp huyện

a, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong việc chuẩn bị và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân theo Quy chế phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

b, Phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận theo dõi, đánh giá, phân loại hoạt động của đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với cấp xã, thị trấn

Hướng dẫn, chỉ đạo, phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã, thị trấn để tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân, họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều kiện đảm bảo

1. Điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 103, Mục I, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân; Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 126, 127, Mục III, Chương VI của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân huyện, xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Thường trực Hội đồng nhân dân (Qua Văn phòng HĐND&UBND huyện) để trình Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Đào Văn Phùng

